TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 94/2022/QĐST-HNGĐ	*V, ngày 13 tháng 6 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ các Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 117/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về việc nuôi con khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Anh **Nguyễn Đức T**, sinh năm 1993;
- Chị **Vũ Ánh T1**, sinh năm 1998;

Đều cư trú tại địa chỉ: Thôn L, xã T3, huyện V, tỉnh Thái Bình;

Là: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Đức T và chị Vũ Ánh T1 tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 29 tháng 6 năm 2016 tại UBND xã T3, huyện V, tỉnh Thái Bình. Sau kết hôn anh chị chung sống về cơ bản là hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn. Về nguyên nhân chính: Theo anh T là do giữa mẹ đẻ/anh chị ruột anh và chị T1 bất đồng trong công việc, trong cách sống, trong cách cư xử và trong lời ăn tiếng nói, anh góp ý, chị T1 không nghe. Về phía chị T1 cho rằng, chị đã phải chịu quá nhiều áp lực khi sống tại gia đình nhà chồng, chị đã cố gắng nhưng đến nay chị không thể chịu đựng thêm nữa. Do mâu thuẫn căng thẳng nên anh chị liên tục xảy ra cãi vã

và đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2022 đến nay. Nay, anh T, chị T1 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn là có và không thể hàn gắn, anh chị thống nhất thuận tình ly hôn. Việc ly hôn, anh chị đều đã suy nghĩ kỹ và tự nguyện, anh chị đề nghị Tòa án công nhận.

[2] Về nuôi con chung: Anh Nguyễn Đức T và chị Vũ Ánh T1 có một con chung là Nguyễn Tiến T2, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2016. Ly hôn, anh T, chị T1 thống nhất thỏa thuận: Chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Tiến T2. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con Nguyễn Tiến T2 cùng chị T1 số tiền là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/01 (một) tháng. Thời gian cấp dưỡng cho con kể từ tháng 6 năm 2022 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Thỏa thuận của anh T, chị T1 về việc nuôi con chung là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi của con, anh chị đề nghị Tòa án công nhận.

[3] Về chia tài sản chung: Anh Nguyễn Đức T và chị Vũ Ánh T1 thống nhất trình bày anh chị không có tài sản chung, không đi vay và không cho ai vay nợ chung, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh Nguyễn Đức T và chị Vũ Ánh T1 phải chịu tiền lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

Anh Nguyễn Đức T và chị Vũ Ánh T1 đã thực sự tự nguyện ly hôn, thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con. Sự thỏa thuận của anh chị không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ, con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Đức T và chị Vũ Ánh T1 thuận tình ly hôn.

1.2. Về nuôi con chung:

1.2.1. Chị Vũ Ánh T1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tiến T2, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2016. Anh Nguyễn Đức T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho

con Nguyễn Tiến T2 cùng chị Vũ Ánh T1 số tiền là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/01 (một) tháng. Thời gian cấp dưỡng cho con kể từ tháng 6 năm 2022 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

1.2.2. Anh Nguyễn Đức T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai được cản trở. Anh Nguyễn Đức T, chị Vũ Ánh T1 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

1.3. Về chia tài sản chung: Anh Nguyễn Đức T và chị Vũ Ánh T1 không có tài sản chung, không đi vay và không cho ai vay nợ chung, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh Nguyễn Đức T và chị Vũ Ánh T1 mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh T, chị T1 đã nộp tạm ứng tại Biên lai số 0001203 đề ngày 03 tháng 6 năm 2022 tại Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình sang thành tiền lệ phí. Anh T, chị T1 đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình;
- UBND xã T3, huyện V, tỉnh Thái Bình (GCNKH số 19/2016 ngày 29/6/2016);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thùy Dương